

Số: 107/QĐ-THCSTHPTQL

Văn Đồn, ngày 08 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THCS&THPT Quan Lạn

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2026 Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Theo đề nghị của tổ trưởng tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung kinh phí ngân sách năm 2026 của trường THCS&THPT Quan Lạn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các tổ chuyên môn, văn phòng, các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Hà

Đơn vị: TRƯỜNG THCS&THPT QUAN LẠN
Chương: 422

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 107/QĐ-THCSTHPTQL ngày 08/08/2026 của Trường THCS&THPT Quan Lạn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	849.000.000
1	Nguồn ngân sách trong nước	849.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	849.000.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	293.000.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	556.000.000

Vân Đồn, Ngày 08 tháng 08 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hà

Số: 640 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 cho các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 cho Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao bổ sung dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 cho các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện tự chủ:
 - a. Giảm dự toán kinh phí của 19 đơn vị: 4.501 triệu đồng;
 - b. Tăng dự toán kinh phí cho 16 đơn vị: 4.501 triệu đồng.
2. Giao bổ sung kinh phí: **88.570 triệu đồng** (Tám mươi tám tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó:
 - a. Kinh phí tự chủ: **38.002 triệu đồng**, trong đó:

- Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị: 3.441 triệu đồng;
- Bổ sung phụ cấp ưu đãi nhà giáo theo Nghị định 182/2026/NĐ-CP: 29.703 triệu đồng;
- Trợ cấp thu hút theo NĐ 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ: 1.027,309 triệu đồng;
- Phụ cấp đặc biệt Thông tư số 09/2005/TT- BNV và TT24/2025/TTBNV: 1.272,353 triệu đồng;
- Bổ sung chế độ phụ cấp khu vực Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND, Thông tư 23/2025/TT-BNV và Thông tư 15/2026/TT-BNV: 2.558,338 triệu đồng.

b. Kinh phí không tự chủ: **50.568 triệu đồng**, trong đó:

- Chính sách thu hút theo NQ 05/2022/NQ-HĐND và NQ 95/2025/NQ - HĐND tỉnh của HĐND tỉnh Quảng Ninh: 685 triệu đồng;
- Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: 27.804 triệu đồng;
- Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 14.878 triệu đồng;
- Hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên tư thực theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.500 triệu đồng;
- Khen thưởng các kỳ thi: 2.000 triệu đồng;
- Hoạt động chuyên môn: 1.000 triệu đồng;
- Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp: 519 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đấu thầu: 182 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Từ nguồn dự phòng ngân sách, dự toán ngân sách tỉnh năm 2026

3. Tổng dự toán ngân sách giao sau khi điều chỉnh: 948.595 triệu đồng, bao gồm:

- Kinh phí giao tự chủ: 576.606 triệu đồng
Trong đó: Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL: 11.499 triệu đồng
- Kinh phí không giao tự chủ: 371.989 triệu đồng.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo giao:

Căn cứ dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2026 được giao, các đơn vị sử

dụng NSNN chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo đúng chế độ, chính sách quy định và tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, tuyệt đối không để thất thoát ngân sách nhà nước.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

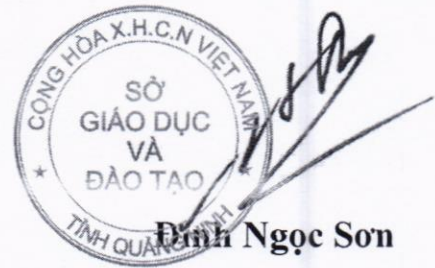
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực III;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC .

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ký bởi: Chu Việt Phương

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Ngọc Sơn

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1032556

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số 640/QĐ-SGDĐT ngày 31 / /2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	849.000.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	849.000.000
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	849.000.000
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	293.000.000
- Dự toán điều chỉnh quyết định số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026	-108.000.000
- Phụ cấp ưu đãi theo Nghị định ND 182/2026/ND-CP	401.000.000
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	556.000.000
- Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/ND-CP của Chính phủ	556.000.000
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	

PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 640 /QĐ-SGDĐT ngày 31/07/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số	Văn phòng Sở	Trung tâm GDNN và GDTX tỉnh	Trường THPT Hoành Bồ	Trường THPT Trần Phú	Trường THPT Uông Bí	Trường THPT Bạch Đằng	Trường THPT Bãi Cháy
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí								
1. Số thu phí, lệ phí								
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại								
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN								
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	88.570.000.000	21.400.000.000	8.940.456.000	1.530.800.000	2.452.269.000	1.417.000.000	1.437.268.000	2.317.000.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	88.570.000.000	21.400.000.000	8.941.456.000	1.530.800.000	2.452.269.000	1.417.000.000	1.437.268.000	2.317.000.000
1.1 Chi quản lý hành chính								
a. Kinh phí thực hiện tự chủ								
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ								
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	88.570.000.000	21.400.000.000	8.941.456.000	1.530.800.000	2.452.269.000	1.417.000.000	1.437.268.000	2.317.000.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	38.002.000.000		8.357.456.000	802.800.000	1.426.725.000	444.000.000	775.561.000	1.381.000.000
- Dự toán điều chỉnh quyết định số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026			1.222.000.000	-565.000.000	-163.000.000	-631.000.000	-243.000.000	354.000.000
- Bổ sung dự toán theo quyết định theo QĐ số 2680/QĐ-UBND ngày 24/7/2026	3.441.000.000		3.441.000.000					
- Trợ cấp thu hút theo ND 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ	1.027.309.000				197.123.000		98.561.000	
- Phụ cấp đặc biệt Thông tư số 09/2005/TT- BNV và TT24/2025/TTBNV	1.272.353.000							

NỘI DUNG	Trường THPT Bình Liêu	Trường THPT Cô Tô	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Trường THCS-THPT Quan Lạn	Trường THCS-THPT Quảng La	Trường THPT Hải Đảo
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí						
1. Số thu phí, lệ phí						
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại						
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	1.423.000.000	614.000.000	1.158.000.000	849.000.000	1.232.676.000	3.054.708.000
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	1.423.000.000	614.000.000	1.158.000.000	849.000.000	1.232.676.000	3.054.708.000
1.1 Chi quản lý hành chính						
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>						
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>						
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	1.423.000.000	614.000.000	1.158.000.000	849.000.000	1.232.676.000	3.054.708.000
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	475.000.000	300.000.000	311.000.000	293.000.000	413.969.000	1.410.001.000
- Dự toán điều chỉnh quyết định số 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026	19.000.000	-4.000.000	-221.000.000	-108.000.000	-340.000.000	-71.000.000
- Bổ sung dự toán theo quyết định theo QĐ số 2680/QĐ-UBND ngày 24/7/2026						
- Trợ cấp thu hút theo NĐ 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ					98.561.000	98.561.000
- Phụ cấp đặc biệt Thông tư số 09/2005/TT- BNV và TT24/2025/TTBNV						
- Chế độ phụ cấp khu vực Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND; Thông tư 23/2025/TT-BNV; Thông tư 15/2026/TT-BNV					213.408.000	505.440.000
- Phụ cấp ưu đãi theo Nghị định NĐ 182/2026/NĐ-CP	456.000.000	304.000.000	532.000.000	401.000.000	442.000.000	877.000.000
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	948.000.000	314.000.000	847.000.000	556.000.000	818.707.000	1.644.707.000

Chính sách thu hút theo NQ 05/2022/NQ-HĐND và NQ 95/2025/NQ - HĐND tỉnh của HĐND tỉnh Quảng Ninh					65.707.000	65.707.000
Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ;	937.000.000	314.000.000	847.000.000	556.000.000	753.000.000	1.579.000.000
Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh						
Hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên tư thực theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.						
Khen thưởng các kỳ thi						
Hoạt động chuyên môn						
Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp						
Chi phí tư vấn đầu thầu	11.000.000					
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh						
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1038352	1061364	1083045	1032556	1032463	1041365
Mã KBNN nơi giao dịch	2819	2823	2819	2822	2811	2822

PHỤ LỤC SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2026 GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán đã phân bổ (theo các QĐ số QĐ 423/QĐ-SGDĐT ngày 11/6/2026)	Trong đó		Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm		Dự toán giao bổ sung		Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó	
			Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh	Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh	Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh	Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh		Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13=4+6+8+10	14=5+7+9+11
	Tổng cộng	538.604	527.105	11.499	4.501	1	-4.501	-1	3.441		542.045	530.546	11.499
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.827	15.232	595							15.827	15.232	595
11	Các Trường THPT	522.777	511.873	10.904	4.501	1	-4.501	-1	3.441		526.218	515.314	10.904
	Đơn vị nhóm 3												
1	Trường THPT Hoàn Kiếm	14.060	13.776	284			-565				13.495	13.211	284
2	Trường THPT Trần Phú	18.602	18.230	372			-163				18.439	18.067	372
3	Trường THPT Ưng Bí	19.379	18.986	393			-631				18.748	18.355	393
4	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	41.896	41.159	737	1.222	1			3.441		46.560	45.822	738
5	Trường THPT Bạch Đằng	16.676	16.336	340			-243				16.433	16.093	340
6	Trường THPT Bãi Cháy	18.391	18.023	368	354						18.745	18.377	368
7	Trường THPT Cẩm Phả	20.100	19.698	402	429						20.529	20.127	402

8	Trường THPT Cửa Ông	16.289	15.917	372			-44	-1			16.244	15.873	371
9	Trường THPT Đông Thành	12.556	12.304	252			-242				12.314	12.062	252
10	Trường THPT Đông Triều	16.455	16.115	340			-120				16.335	15.995	340
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	12.080	11.836	244	56						12.136	11.892	244
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	15.325	15.010	315	65						15.390	15.075	315
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	10.470	10.254	216	369						10.839	10.623	216
14	Trường THPT Hòn Gai	25.041	24.540	501			-66				24.975	24.474	501
15	Trường THPT Lê Chân	11.643	11.391	252	222						11.865	11.613	252
16	Trường THPT Lê Quý Đôn	11.846	11.602	244	214						12.060	11.816	244
17	Trường THPT Lý Thường Kiệt	8.089	7.892	197	240						8.329	8.132	197
18	Trường THPT Minh Hà	15.218	14.908	310			-364				14.854	14.544	310
19	Trường THPT Mông Dương	8.045	7.857	188	322						8.367	8.179	188
20	Trường THPT Ngô Quyền	12.934	12.666	268	198						13.132	12.864	268
21	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	10.469	10.253	216			-142				10.327	10.111	216
22	Trường THPT Đầm Hà	12.427	12.138	289	264						12.691	12.402	289
23	Trường THPT Quảng Hà	12.611	12.315	296	102						12.713	12.417	296
24	Trường THCS và THPT Tiên Yên	15.230	14.876	354	407						15.637	15.283	354
25	Trường THPT Hải Đảo	16.930	16.591	339			-71				16.859	16.520	339

	Đơn vị nhóm 4																				
26	Trường THPT Bình Liêu	9.080	8.862	218	19														9.099	8.881	218
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	9.492	9.243	249															9.311	9.062	249
28	Trường THPT Cô Tô	7.500	7.350	150															7.496	7.346	150
29	Trường THCS&THPT Hoà Bình M6	11.019	10.774	245															10.798	10.553	245
30	Trường THCS-THPT Quan Lạn	9.767	9.572	195															9.659	9.464	195
31	Trường THCS-THPT Quảng La	9.186	8.981	205															8.846	8.641	205
32	Trường THPT Ba Chẽ	9.416	9.203	213															9.068	8.855	213
33	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	9.403	9.192	211															8.756	8.545	211
34	Trường PT DTNT tỉnh	22.614	22.136	478	18														22.632	22.154	478
35	Trường THPT Chuyên Hạ Long	32.538	31.887	651															32.537	31.886	651

PHỤ LỤC SỐ 02: DỰ TOÁN BỔ SUNG KINH PHÍ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Trợ cấp thu hút theo NĐ 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Phụ cấp đặc biệt Thông tư số 09/2005/TT- BNV và TT24/2025/TTBNV	Chế độ phụ cấp khu vực Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT; Thông tư 23/2025/TT-BNV; Thông tư 15/2026/TT-BNV	Phụ cấp ưu đãi theo Nghị định NĐ 182/2026/NĐ-CP
	Tổng cộng	1.027,309	1.272,353	2.558,338	29.703
	Đơn vị nhóm 3				
1	Trường THPT Hoàn Bồ			280,800	1.087
2	Trường THPT Trần Phú	197,123		404,602	988
3	Trường THPT Uông Bí				1.075
4	Trung tâm GDNN và GDTX tỉnh			300,456	3.394
5	Trường THPT Bạch Đằng	98,561			920
6	Trường THPT Bãi Cháy				1.027
7	Trường THPT Cẩm Phả				1.106
8	Trường THPT Cửa Ông				906
9	Trường THPT Đông Thành				669
10	Trường THPT Đông Triều				902
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám				686
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt				837
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ				571
14	Trường THPT Hòn Gai				1.377
15	Trường THPT Lê Chân				677
16	Trường THPT Lê Quý Đôn				655
17	Trường THPT Lý Thường Kiệt				443
18	Trường THPT Minh Hà				870

19	Trường THPT Mông Dương			101,088	473
20	Trường THPT Ngô Quyền	98,561			749
21	Trường THPT Vũ Văn Hiếu				586
22	Trường THPT Đầm Hà				673
23	Trường THPT Quảng Hà				991
24	Trường THCS và THPT Tiên Yên			154,440	1.247
25	Trường THPT Hải Đảo	98,561		505,440	877
26	Trường THPT Bình Liêu				456
27	Trường THCS-THPT Hải Đông			185,328	494
28	Trường THPT Cô Tô				304
29	Trường THCS&THPT Hoành Mô				532
30	Trường THCS-THPT Quan Lạn				401
31	Trường THCS-THPT Quảng La	98,561		213,408	442
32	Trường THPT Ba Chẽ				458
33	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương		1.272,353	311,688	472
34	Trường PT DTNT tỉnh	98,561		101,088	966
35	Trường THPT Chuyên Hạ Long	337,381			1.392

**PHỤ LỤC SỐ 03: GIAO BỔ SUNG KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2026
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC VÀ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

ST T	Tên đơn vị	Số tiền	Trong đó							
			Chính sách thu hút theo NQ 05/2022/NQ- HĐND và NQ 95/2025/NQ - HĐND tỉnh	Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ- CP của Chính phủ;	Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 81/2025/NQ- HĐND của HĐND tỉnh	Hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên tư thực theo Nghị quyết số 93/2025/NQ- HĐND .	Khen thưởng các kỳ thi	Hoạt động chuyên môn	Tổ chức kỳ thi tốt nghiep	Chi phí tư vấn đầu thầu
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	50.568	685	27.804	14.878	3.500	2.000	1.000	519	182
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	21.400			14.878	3.500	2.000	1.000		22
II	Các Trường THPT	29.168	685	27.804					519	160
1	Trường THPT Hoàn Bò	728		700						28
2	Trường THPT Trần Phú	1.025,543	131,544	894						
3	Trường THPT Ưông Bí	973		973						
4	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	584							519	65
5	Trường THPT Bạch Đằng	661,707	65,707	596						
6	Trường THPT Bãi Cháy	936		936						
7	Trường THPT Cẩm Phả	1.041		1.041						
8	Trường THPT Cửa Ông	850		850						
9	Trường THPT Đông Thành	538		538						

10	Trường THPT Đông Triều	747		747						
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	551		551						
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	737		737						
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	486		486						
14	Trường THPT Hòn Gai	1.266		1.240						26
15	Trường THPT Lê Chân	577		577						
16	Trường THPT Lê Quý Đôn	492		492						
17	Trường THPT Lý Thường Kiệt	730		730						
18	Trường THPT Minh Hà	744		744						
19	Trường THPT Mông Dương	441		441						
20	Trường THPT Ngô Quyền	709,707	65,707	644						
21	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	539		539						
22	Trường THPT Đầm Hà	1.473		1.473						
23	Trường THPT Quảng Hà	1.245		1.245						
24	Trường THCS và THPT Tiên Yên	1.393		1.369						24
25	Trường THPT Hải Đảo	1.644,707	65,707	1.579						
26	Trường THPT Bình Liêu	948		937						11

27	Trường THCS-THPT Hải Đông	1.036		1.030						6
28	Trường THPT Cô Tô	314		314						
29	Trường THCS&THPT Hoành Mô	847		847						
30	Trường THCS-THPT Quan Lạn	556		556						
31	Trường THCS-THPT Quảng La	818,707	65,707	753						
32	Trường THPT Ba Chẽ	990		990						
33	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	728		728						
34	Trường PT DTNT tỉnh	786,707	65,707	721						
35	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.030,921	224,921	806						

DỰ TOÁN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ SAU ĐIỀU HÒA

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó														
			Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Chế độ cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42	Hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên thực theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND	Chính sách đối với học sinh, học viên bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND	Chính sách đối với học sinh dân tộc nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	Hỗ trợ nhà giáo theo VBH N số 27/VBHN-BGDĐT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Khen thưởng các kỳ thi	Khen thưởng toàn ngành	Kiểm định chất lượng	Hoạt động chuyên môn	Hội đồng coi thi tuyển sinh lớp 10 THPT	Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
			1=2+...33	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng	366.738	80.466	1.124	33.792	99	8.466	21.363	24.643	115	14.234	8.970	4.466	1.377	21.353,748	3.252,252	66
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	84.465,748		89	33.792		8.466	4.600				8.970	4.466	1.377	21.353,748		66
II	Các Trường THPT	282.272,252	80.466	1.035		99		16.763	24.643	115	14.234					3.252,252	
1	Trường THPT Hoàn Kiếm	7.286,128	2.023	14				533			330					139,128	
2	Trường THPT Trần Phú	6.695,072	2.563	34				670			443					150,529	
3	Trường THPT Uông Bí	7.895,219	2.773	41				51			783					212,219	
4	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	44.837,000	21.465	54				6.277			265						
5	Trường THPT Bạch Đằng	6.137,884	2.262	18							500					128,177	
6	Trường THPT Bãi Cháy	6.892,000	2.676	41				27			768					144,000	
7	Trường THPT Cẩm Phả	7.836,673	2.977	61				61			881					145,673	
8	Trường THPT Cửa Ông	6.478,860	2.354					346			667					121,860	
9	Trường THPT Đông Thành	4.365,393	1.514	14				11			543					98,393	

10	Trường THPT Đông Triều	5.774,385	2.160	52			86			615					108,385	
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	4.234,409	1.563	12						231					110,409	
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	6.504,434	2.049	47						526					116,434	
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	3.910,994	1.392	11			340			295					79,994	
14	Trường THPT Hòn Gai	12.996,584	3.480	70			23			1.130					134,584	
15	Trường THPT Lê Chân	4.383,084	1.688	20						317					104,084	
16	Trường THPT Lê Quý Đôn	3.758,294	1.399	18			244			408					95,294	
17	Trường THPT Lý Thường Kiệt	2.440,406	1.029	12		15	8			170					55,406	
18	Trường THPT Minh Hà	6.033,437	2.183	27						333					121,437	
19	Trường THPT Mông Dương	3.846,360	1.191				715			229					61,360	
20	Trường THPT Ngô Quyền	5.808,446	1.849	54			90			876					196,739	
21	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	4.189,553	1.447	39						403					112,553	
22	Trường THPT Đàm Hà	4.130,988	1.671	16			234			280					77,988	
23	Trường THPT Quảng Hà	4.133,917	1.760	12			262			159					80,917	
24	Trường THCS và THPT Tiên Yên	6.607,934	1.894	34			850			621					71,934	
25	Trường THPT Hải Đảo	7.317,865	2.174	15			588			456					89,158	
26	Trường THPT Bình Liêu	6.978,403	1.060	161			1.335			312					58,403	
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	4.527,447	1.170	24						277					45,447	
28	Trường THPT Cô Tô	5.014,000	444	4			482			84						
29	Trường THCS&THPT Hoành Mô	9.332,000	967	95		84	1.611			462						
30	Trường THCS-THPT Quan Lạn	5.717,000	747	4			479			161						

STT	Tên đơn vị	Trong đó														Chức năng nhiệm vụ	Chi phí tư vấn đầu thầu	Chính sách thu hút theo NQ 05/2022/NQ-HĐND và NQ 95/2025/NQ-HĐND
		Kinh phí hoạt động chung (bổ sung 20% kinh phí hoạt động)	Kinh phí hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	Hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	Quỹ tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)	Hội đồng coi thi chọn sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2026	Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên dạy ôn thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT	Học bạ điện tử	Kinh phí phòng cháy chữa cháy theo Nghị định 105/2025/NĐ-CP	Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải	Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, CS/VC, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm bổ sung trang thiết bị	Quà tết nguyên đán	Tổ chức kỳ thi nghiệp vụ	Chi phí tư vấn đầu thầu	
I	Số Giáo dục và Đào tạo	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	Tổng cộng	25.000	14.406	6.299	4.518	24.431	717	28.661	767	2.635	80	17.748	6.076	10.025	202	519	182	685.000
II	Các Trường THPT	25.000	14.406	5.821	4.518	23.847	717	28.661	767	2.635	80	17.748	6.076	10.025		519	160	685.000
1	Trường THPT Hoàng Bồ	621				600		1.340	18	108		572	721	239			28	
2	Trường THPT Trần Phú	877				860	110	328	22	70		436						131.543
3	Trường THPT Ưông Bí	888				922	142	1.177	24	112		770						
4	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	2.880			120	2.073		4.919	196	131		3.720	1.677	476		519	65	
5	Trường THPT Bạch Đằng	739				838		880	25	22		660						65.707
6	Trường THPT Bãi Cháy	863				899		1.131	23			320						
7	Trường THPT Cẩm Phả	881				968	130	1.391	26	65		250						
8	Trường THPT Cửa Ông	810				774		763	22			410		211				
9	Trường THPT Đông Thành	563				582		532	15	53		440						
10	Trường THPT Đông Triều	746				838		544	19	64		250		292				
11	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	529				597		692	13	47		440						
12	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	683				756	110	1.566	18	61		572						
13	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	475				468		422	12	20		396						
14	Trường THPT Hòn Gai	1.062				1.249		1.544	32	250		1.078	500	2.418			26	
15	Trường THPT Lê Chân	549				558		822	15	110		200						

31	Trường THCS-THPT Quảng Lai	4.509,707	855	14						336								40,000	
32	Trường THPT Ba Chẽ	4.065,855	1.125	7						534								52,855	
33	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cường	4.074,118	1.001	10						570								38,118	
34	Trường PT DTNT tỉnh	29,866,707	1.331								24,643	115							
35	Trường THPT Chuyên Hà Long	23,691,695	2.230										82					260,774	



BIÊN BẢN

Niêm yết công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026

I. Thời gian: Vào hồi 14 giờ 15 phút ngày 08 tháng 08 năm 2026

II. Địa điểm: Trường THCS&THPT Quan Lạn, Đặc khu Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh.

III. Thành phần:

1. Người có trách nhiệm niêm yết

Ông: Nguyễn Văn Hà - Hiệu trưởng

2. Người chứng kiến

Ông: Dương Tân Phong - Phó Hiệu trưởng

Ông: Hoàng Mạnh Việt - Phó Hiệu trưởng

Ông: Hoàng Thúc Khiêm – Tổ trưởng tổ tự nhiên

Ông: Nguyễn Hữu Phi – Tổ trưởng tổ xã hội

Bà: Vũ thị Dung: Tổ trưởng tổ Văn phòng.

Bà: Bùi thị Lưu – Nhân viên Kế toán

IV. Nội dung:

Trường THCS&THPT Quan Lạn lập biên bản niêm yết công khai:

Nội dung niêm yết công khai:

1. Công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026.

2. Các giấy tờ, hồ sơ niêm yết công khai gồm:

- Quyết định số: 107/QĐ-THCSTHPTQL ngày 08/08/2026

- Quyết định số: 640/QĐ-SGDĐT ngày 31/07/2026

- Biểu mẫu số: 74 dự toán thu chi ngân sách nhà nước

-Số văn bản niêm yết: 03

3.Hình thức công khai: Niêm yết tại phòng Hội đồng và bản tin nhà trường.

4. Thời gian niêm yết tại trụ sở làm việc: Từ ngày 08 tháng 08 năm 2026 đến hết ngày 08/09/2026.

Biên bản lập xong vào hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành viên nghe và thống nhất ký biên bản./.

Chữ ký của các thành viên trong Hội đồng:

Dương Tân Phong:

Hoàng Mạnh Việt:

Hoàng Thúc Khiêm:

Nguyễn Hữu Phi:

Vũ Thị Dung:

Bùi Thị Lưu:

Người có trách nhiệm niêm yết

Nguyễn Văn Hà